
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
NĂM 2019

A- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

STT	NỘI DUNG	31/12/2019	01/01/2019
I-	Tài sản ngắn hạn :	20,048,968,692	16,944,845,920
1	Tiền và các khoản tương đương tiền :	5,277,675,341	3,558,072,359
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	11,500,000,000	8,000,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	1,380,662,597	3,828,935,492
4	Hàng tồn kho	1,137,054,999	835,946,661
5	Tài sản ngắn hạn khác:	753,575,755	721,891,408
II-	Tài sản dài hạn :	714,292,867	1,249,716,832
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	74,560,000	111,840,000
	- Tài sản cố định hữu hình	74,560,000	111,840,000
	- Tài sản cố định vô hình	-	-
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	639,732,867	1,137,876,832
III-	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	20,763,261,559	18,194,562,752
IV-	Nợ phải trả	2,309,302,853	1,790,954,405
1	Nợ ngắn hạn	364,543,103	105,178,405
2	Nợ dài hạn	1,944,759,750	1,685,776,000
V-	Vốn chủ sở hữu	18,453,958,706	16,403,608,347
1	Vốn chủ sở hữu	18,453,958,706	16,403,608,347
	- Vốn góp của chủ sở hữu	29,000,000,000	29,000,000,000
	- Quỹ đầu tư phát triển	2,310,399,740	2,310,399,740
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(12,856,441,034)	(14,906,791,393)
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	20,763,261,559	18,194,562,752



B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH :

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	56,426,307,268	56,533,993,604
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	56,426,307,268	56,533,993,604
4	Giá vốn hàng bán	42,899,731,885	41,826,299,871
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13,526,575,383	14,707,693,733
6	Doanh thu hoạt động tài chính	573,390,434	431,687,695
7	Chi phí tài chính	16,217,597	20,432,735
8	Chi phí bán hàng	881,926,395	1,963,538,472
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,148,472,746	11,150,099,471
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,053,349,079	2,005,310,750
11	Thu nhập khác	1,281	2,146,318
12	Chi phí khác	3,000,000	14,670,275
13	Lợi nhuận khác	(2,998,719)	(12,523,957)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,050,350,360	1,992,786,793
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,050,350,360	1,992,786,793
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	707	687
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

C- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN :

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản (%)		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	3.44%	6.87%
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	96.56%	93.13%
2	Cơ cấu nguồn vốn (%)		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	11.1%	9.8%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	88.9%	90.2%
3	Khả năng thanh toán (Lần)		
	- Khả năng thanh toán nhanh	46	110
	- Khả năng thanh toán hiện hành	55	161
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	9.87%	10.95%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	3.63%	3.52%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ S	11.11%	12.15%

TRƯỜNG PHÒNG TC-KT



TRẦN THỊ KIỀU OANH



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HÀ HỮU QUANG